**ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**I. TRUYỆN LỊCH SỬ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm truyện lịch sử** | **Đặc điểm truyện lịch sử** |
| **1. Khái niệm:** | Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện nhân vật ở một thời kỳ, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người...Là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra. |
| **2. Cốt truyện** | - Cốt truyện lịch sử thường được xây dựng dựa trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo hư cấu sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề tư tưởng nào đó |
| **3. Nhân vật** | Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử cũng phong phú như cuộc đời thực. Việc chọn kiểu nhân vật nào để miêu tả trong truyện là dụng ý nghệ thuật của riêng nhà văn. |
| **4. Ngôn ngữ** | - Ngôn ngữ của nhân vật phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách riêng của từng đối tượng |
| **5. Nội dung** | + Tái hiện lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.  + Thể hiện lòng yêu nước nồng nàn, lòng căm thù giặc sâu sắc. |

**II. THỂ THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ ĐƯỜNG LUẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kiến thức** |
| **1. Khái niệm** | - Thơ Đường luật là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) ra đời từ thời nhà Đường Trung Quốc (618 - 907), gồm hai thể chính là thất ngôn bát cú Đường luật và thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất. Bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hoà thanh (phổi hợp, điều hoà thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp. Ngôn ngữ thơ Đường luật rất cô đọng, hàm súc, bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình, ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn... |
| **2. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật**  **a. Về bố cục:** | **-** Bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, tương ứng với bốn phần: *đề* (triển khai ý ẩn chứa trong nhan đề), *thực* (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được bài thơ đề cập), *luận* (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), *kết* (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới). Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối. |
| **b. Về niêm và luật bằng trắc:** | - Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: Nếu chữ này là thanh bằng thì bải thơ thuộc *luật bằng,* là thanh trắc thì bài thơ thuộc *luật* trắc. Trong mồi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hoà. cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2, 4, 6, trong mối cặp câu *(Hèn),* các thanh bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, hai cặp câu liền nhau được “dính” theo nguyên tắc: Chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh. |
| **c. Về vần và nhịp** | Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo một vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.  + Về đối: Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận. (Câu 3-4 và 5-6) |

**Câu 1. Nêu những nét giống nhau và khác nhau về thi luật giữa thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt đường luật.**

**Gợi ý trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt** | **Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật** |
| **\* Giống nhau**  - Có hệ thống quy tắc phức tạp: luật, niêm, vần, đối và bố cục.  - Về hình thức: Mỗi câu đều có 7 chữ. | | |
| **\* Khác nhau:** | - Thơ thất ngôn tứ tuyệt:  + Có 4 câu thơ  + Các câu 1, 2, 4 hoặc chỉ các câu 2, 4 sẽ hiệp vần với nhau ở chữ cuối.  + Bốn câu trong bài thơ thất ngôn tứ tuyệt theo thứ tự là các câu khai, thừa, chuyển và hợp. | - Thơ thất ngôn bát cú:  + Có 8 câu thơ  + Gieo vần cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8.  + Bố cục được triển khai là đề, thực, luận, kết |

**Câu 2. Xem lại năm bài học ở học kì I, lập bảng hệ thống hóa thông tin về các văn bản đọc theo mẫu sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Văn bản** | **Tác giả** | **Loại, thể loại** | **Đặc điểm nổi bật** | |
| **Nội dung** | **Hình thức** |
| 1 | Lá cờ thêu sáu chữ vàng | Nguyễn Huy Tưởng | Truyện lịch sử | Văn bản kể về Trần Quốc Toản là một chàng thiếu niên khảng khái và bộc trực, còn nhỏ nhưng đã đau đáu chuyện nước nhà. | Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đều mang đậm màu sắc lịch sử. |
| Quang Trung đại phá quân Thanh | Ngô Gia Văn Phái. | Tiểu thuyết chương hồi | Ghi lại lịch sử hào hùng của dân tộc ta, tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. | Nghệ thuật trần thuật đặc sắc, miêu tả hành động lời nói của nhân vật rõ nét, ngôn ngữ gần gũi, mang đậm nét lịch sử. |
| Ta đi tới | Tố Hữu | Thơ tự do | Vừa ngợi ca chiến thắng, vừa gợi suy nghĩ về đoạn đường sắp tớ | Sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ, ngôn ngữ giản dị, sâu sắc. |
| 2 | Thu điếu | Nguyễn Khuyến | Thất ngôn bát cú | Vẻ đẹp bình dị, quen thuộc của cảnh thu điển hình cho cảnh sắc mùa thu của thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đồng thời, bài thơ cũng có thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của Nguyễn Khuyến. | Bài thơ thất ngôn bát cú với cách gieo vần độc đáo vần độc đáo. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc trưng của văn học trung đại. |
| Thiên trường vãn vọng | Trần Nhân Tông | Thất ngôn tứ tuyệt | Bài thơ gợi tả cảnh xóm thôn, đồng quê vùng Thiên Trường qua cái nhìn và cảm xúc của Trần Nhân Tông, cảm xúc lắng đọng, cái nhìn man mác, bâng khuâng ôm trùm cảnh vật | Bút pháp nghệ thuật cổ điển tài hoa |
| Ca Huế trên sông Hương | Hà Ánh Minh | Bút kí | Cố đô Huế nổi tiếng không phải chỉ có các danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử mà còn nổi tiếng bởi các làn điệu dân ca và âm nhạc cung đình. Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa – âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển | Thủ pháp liệt kê, kết hợp với giải thích, bình luận. Miêu tả đặc sắc, gợi hình, gợi cảm, chân thực. |
| 3 | Hịch tướng sĩ | Trần Quốc Tuấn | Hịch | Phản ánh tinh thần yêu nước, căm thù giặc và ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược của nhân dân ta. | Các hình thức nghệ thuật phong phú: lặp tăng tiến, điệp cấu trúc câu, hình ảnh phóng đại, câu hỏi tu từ, lời văn giàu cảm xúc, lập luận chặt chẽ, kết hợp giữa lý và tình. |
|  | Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Hồ Chí Minh | Văn nghị luận | Văn bản ca ngợi và tự hào về tinh thần yêu nước từ đó kêu gọi mọi người cùng phát huy truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc | Xây dựng luận điểm ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và các biện pháp nghệ thuật |
|  | Nam quốc sơn hà | ? | Thơ thất ngôn tứ tuyệt | Sông núi nước Nam là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. | Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, súc tích  Ngôn ngữ dõng dạc, giọng thơ mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn |

**Câu 3. Lập bảng vào vở theo mẫu sau để hệ thống hóa các kiến thức tiếng Việt đã được học trong học kì I.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung tiếng Việt** | **Khái niệm cần nắm vững** | **Dạng bài tập thực hành** |
| 1 | Biệt ngữ xã hội | Là những từ ngữ có đặc điểm riêng (có thể về ngữ âm, có thể về ngữ nghĩa), hình thành trên những quy ước riêng của một nhóm người nào đó, do vậy, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp. | Chỉ ra biệt ngữ xã hội và nêu tác dụng. |
| 2 | Biện pháp tu từ đảo ngữ | Được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói). | Chỉ ra biện pháp tu từ đảo ngữ và nêu tác dụng. |
| 3 | Từ tượng hình và từ tượng thanh | - Từ tượng hình là từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  - Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. | Chỉ ra từ tượng hình, từ tượng thanh và phân tích tác dụng. |
| 4 | Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp | - Đoạn văn diễn dịch: đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp theo triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  - Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  - Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  - Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn. | Tìm câu chủ đề, xác định kiểu đoạn văn và phân tích tác dụng cách thức tổ chức đoạn văn. |
| 5 | Từ Hán Việt | Trong vốn từ gốc Hán, có một bộ phận các từ đơn được cảm nhận như từ thuần Việt và một bộ phận các từ phức ít nhiều gây khó hiểu. Nhóm từ gốc Hán này thường được gọi là từ Hán Việt. | Chỉ ra các yếu tố Hán Việt và giải nghĩa. |

**II. LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẤU TRÚC MỚI**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I VĂN 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**  Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:  **CHIỀU XUÂN Ở THÔN TRỪNG MẠI**  *Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay*  *Mặc manh áo ngắn giục trâu cày*  *Nàng dâu sớm đã gieo dưa đó*  *Bà lão chiều còn xới đậu đây*  *Mía cạnh giậu tre đang nảy ngọn*  *Khoai trong đám cỏ đã xanh cây*  *Điền viên nghĩ thật nguồn vui thú*  *Dẫu chẳng “hành môn” đói cũng khuây.*  *(Nguyễn Bảo)*  **Câu 1**. Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn tứ tuyệt B. Ngũ ngôn  **C. Thất ngôn bát cú** D. Song thất lục bát  **Câu 2.** Hai câu thơ đầu của bài thơ gieo vần nào?  **A. Vần chân, vần liền** B. Vần lưng, vần liền  C.Vân chân, vần cách D. Vần lưng, vần cách  **Câu 3.** Bài thơ có thể chia bố cục theo thứ tự nào?  **A. Đề, thực, luận, kết** B. Luận, kết, đề, thực  C. Đề, luận, kết, thực D. Thực, luận, đề, kết  **Câu 4.** Câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào? “*Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay”*  A. Nhân hoá B. So sánh  **C. Đảo ngữ** D. Điệp ngữ  **Câu 5.** Theo em, việc sử dụng các biện pháp tu từ trong câu thơ (trong câu hỏi 3) có tác dụng gì?  **A. Gợi bức tranh mùa xuân thôn dã thật bình dị với mưa xuân hoà vào không khí thật nhẹ nhàng**  B. Gợi trạng thái mưa đầu xuân.  C. Gợi bức tranh lao động đầu xuân.  D. Đầu xuân có mưa phùn khiến cây cối đâm chồi nảy lộc.  **Câu 6**. Em hiểu thế nào là *“thú điền viên”*?  **A. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn, thường để chỉ những vị quan lui về ở ẩn.**  B. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn của các nho gia.  C. Thú vui ở ẩn của các vị quan sau khi thôi chốn quan trường.  D. Thú vui ở ẩn của các vị vua sau khi nhường ngôi.  **Câu 7**. Theo em, đâu là nội dung chính của bài thơ?  A. Thể hiện tình yêu với những vần thơ giản dị, chân chất.  B. Thể hiện tình cảm dành dành cho cảnh quê.  **C. Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, yêu cuộc sống, con người của tác giả.**  D. Thể hiện vẻ đẹp của bức tranh lao động bình dị trong một gia đình dân cày.  **Câu 8.** Tình cảm, cảm xúc tác giả gửi gắm trong bài thơ là gì?  A. Thương người dân cày vất vả, lam lũ.  B. Nhớ cảnh mưa phùn của quê hương tác giả.  C. Nhớ cảnh điền viên khi ở quê nhà.  **D. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết với quê hương của tác giả.**  **Câu 9**. Bức tranh quê hương được tác giả vẽ lên là bức tranh thôn dã bình dị và lồng trong đó là sự gắn kết giữa nhà thơ và người làm ruộng, là bức tranh lao động bình dị của một gia đình dân cày. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?  **Câu 10**. Từ văn bản trên hãy viết đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên.Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết).  **II. VIẾT (4,0 điểm)** Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.  **HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**  **A.YÊU CẦU CHUNG**  - Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm điểm, khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.  - Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng phải đảm bảo được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.  - Điểm bài thi là tổng điểm thành phần (có thể lẻ đến 0,25 điểm)  **B.** **YÊU CẦU CỤ THỂ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | | **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** | |  | 1 | C | 0,5 | | 2 | A | 0,5 | | 3 | A | 0,5 | | 4 | C | 0,5 | | 5 | A | 0,5 | | 6 | A | 0,5 | | 7 | C | 0,5 | | 8 | D | 0,5 | | **9** | - HS đưa ra ý kiến và lí giải hợp lí vẫn cho điểm. Gợi ý:  - Đồng ý  - Gia đình nơi thôn quê ấy tuy vất vả với *“manh áo ngắn”, “giục trâu cày”* trong thời tiết “*phân phất mưa phùn*” nhưng người đọc thấy được sự gắn kết giữa những con người trong một gia đình dân cày.  - Tác giả hòa cùng nhịp sống của người quê để cảm nhận sâu sắc hồn quê. | 0,25  0,5  0,25 | |  | **10** | - Đảm bảo bố cục đoạn văn độ dài khoảng 5 đến 7 câu.  - Viết đoạn văn nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên.  - Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết).Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25  0,5  0,25 | | **II** |  | **VIẾT** | **4,0** | |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự*  - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. | 0,25 | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen. | 0,25 | | HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **Mở bài:** Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.  **Thân bài:**  - Giới thiệu chung về chuyến đi đó.  - Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí:  + Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em?  + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên?  + Em đã làm gì trong chuyến đi đó?  + Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào?  + Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra?  **Kết bài:** Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên) | 0,25  2,5  0,25 | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 | | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo. | 0,25 | |

**ĐỀ 2:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM 2023 – 2024**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  Thời gian kiểm tra: 90 phút (không kể thời gian giao đề) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Bài văn nghị luận xã hội: Bàn về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***25*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM 2023 – 2024**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  Thời gian kiểm tra: 90 phút (không kể thời gian giao đề) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm cơ bản của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.(1)  - Nhận biết được đề tài, nội dung phản ánh, các dấu hiệu nghệ thuật của bài thơ.(2)  - Xác định được từ tượng hình, tượng thanh.(3)  **Thông hiểu:**  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản. (4)  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết nghệ thuật trong việc thể hiện cảm xúc của một tác phẩm thơ. (5)  - Chỉ ra được nội dung của văn bản (nhân vật trữ tình, cảm xúc, tư tưởng, giá trị …). (6)  - Giải thích được ý nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc (7)  **Vận dụng**:  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một biện pháp tu từ trong bài thơ. (8)  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. (9) | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Bài văn nghị luận xã hội: Bàn về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống, xã hội. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN NAM SÁCH**  **TRƯỜNG THCS AN BÌNH** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM 2023 – 2024**  **MÔN: NGỮ VĂN 8**  Thời gian kiểm tra: 90 phút (không kể thời gian giao đề) |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới**

**QUA ĐÈO NGANG**

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.

Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.

Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.

Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,

Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Bà Huyện Thanh Quan – *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam,* NXB Văn hoá, Hà Nội, 1963)

**Câu 1:** Em hãy cho biết bài thơ “Qua Đèo Ngang” được viết theo thể thơ nào?

A. Lục bát B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Thất ngôn bát cú D. Tự do

**Câu 2:** Bố cục của bài thơ “Qua Đèo Ngang” gồm mấy phần?

A. Gồm 2 phần: Đề, kết. B. Gồm 4 phần: Khai, thừa, chuyển, hợp.

C. Gồm 4 phần: Đề, thực, luận, kết. D. Không có bố cục cụ thể.

**Câu 3:** Những từ tượng hình có trong bài là:

A. Lom khom, lác đác. B. Lom khom, lác đác, quốc quốc, gia gia.

C. Quốc quốc, gia gia. D. Không có từ nào.

**Câu 4:** Hai câu thơ “*Lom khom dưới núi, tiều vài chú/ Lác đác bên sông, chợ mấy nhà*” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. Điệp ngữ và đảo ngữ B. Đối và điệp ngữ

C. Đối và đảo ngữ D. Đảo ngữ và so sánh

**Câu 5:** Cách ngắt nhịp của bài thơ?

A. 3/4 B. 4/3 C. 2/2/3 D. 3/2/2

**Câu 6:** Nội dung chính bài thơ “Qua Đèo Ngang” thể hiện là gì?

A. Khung cảnh trên Đèo Ngang.

B. Lòng yêu nước, thương nhà của tác giả.

C. Sự heo hút, cô quạnh của canh tượng Đèo Ngang.

D. Khung cảnh thiên nhiên trên Đèo Ngang và nỗi lòng của tác giả.

**Câu 7:** Bài thơ “Qua Đèo Ngang” khắc họa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?

A. Cảnh thiên nhiên về chiều tối ảm đạm, thê lương.

B. Cảnh thiên nhiên về chiều tối heo hút, hoang sơ.

C. Cảnh thiên nhiên buổi ban ngày hùng tráng, bi ai.

D. Cảnh thiên nhiên về chiều tối u buồn, tĩnh lặng

**Câu 8:** Nhân vật trữ tình trong bài thơ có tâm trạng như thế nào?

A. Cô đơn, buồn vì nhớ nước, thương nhà.

B. Mệt mỏi vì phải chèo đèo.

C. Buồn sầu vì không gian heo hút, không thấy bóng người.

D. Cô đơn giữa thiên nhiên hùng vĩ, rộng lớn.

**Câu 9:** Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong 2 câu thơ:

*“Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,*

*Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.”*

**Câu 10:** Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan.

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết một bài văn kể về chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hoá ở địa phương em.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | - Biện pháp tu từ đối: nhớ nước – thương nhà; biện pháp đảo ngữ.  - Tác dụng: khắc hoạ sâu sắc nỗi lòng của một con người yêu nước: nhớ nước, thương nhà. Đồng thời thể hiện tài năng của tác giả khi mượn thanh âm tên loài vật để nói lên nỗi lòng của mình với nước nhà. | 0,25  0,75 |
|  | **10** | HS phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ “Qua Đèo Ngang” của Bà Huyện Thanh Quan qua các ý sau:  - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ để miêu tả thời gian, không gian.  - Sử dụng từ tượng hình kết hợp với biện pháp đảo ngữ miêu tả cảnh vật; chơi chữ để nói lên nỗi lòng của nhà thơ. | 0,5  0,5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài, thân bài, kết bài | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: kể lại chuyến đi tham quan khu di tích lịch sử, văn hoá tại địa phương. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí*  HS triển khai bài văn theo bố cục mở bài, thân bài, kết bài. Bài viết cần có lối diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; ngôn ngữ phong phú, dễ hiểu; nói được cảm xúc và sự tự hào về lịch sử dân tộc và giữ gìn vẻ đẹp của dân tộc, quê hương nơi mình sinh sống. Dưới đây là một số gợi ý |  |
|  | **Mở bài**  - Giới thiệu lí do, mục đích của chuyến tham quan, bày tỏ khái quát cảm xúc ban đầu  **Thân bài**  - Kể được diễn biến chuyến đi: cảnh vật trên đường đi, trình tự chuyến tham quan, những hoạt động chính trong chuyến đi…  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích: phong cảnh, công trình…  **Kết bài**  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân: tự hào, yêu mến, biết ơn… | 0,5  2,0  0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

**ĐỀ 3:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học** | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; chỉ ra tác dụng của các phép liên kết trong văn bản.  **Vận dụng:**  **-** Thể hiện được thái độ của bản thân, của toàn xã hội về vấn đề đặt ra trong văn bản.  - Rút ra những bài học và trách nhiệm của bản thân từ nội dung văn bản. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |  |  | 1\*TL |
| **Tổng** | | |  | 5 TN | 3TN | 2TL | 1 TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 8**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ đang sống vô cảm, không quan tâm tới những chuyện diễn ra xung quanh mình. Họ không hề mảy may trước những cảnh tượng bất bình, đau khổ, cũng như không biết chiêm ngưỡng, tán thưởng những điều mang lại cho mình những cảm xúc tích cực.*

*(…) Gia đình, nhà trường và xã hội có một vai trò hết sức quan trọng. Gia đình chính là môi trường đầu đời hình thành nên những cảm xúc yêu thương, lòng nhân ái, giáo dục và trang bị cho trẻ những chuẩn mực đạo đức, giúp họ học cách lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ. Khi người lớn sống có trách nhiệm, quan tâm tới nhau, có những hành vi ứng xử đẹp, mang tính nhân văn thì đó sẽ là tấm gương để giới trẻ noi theo. Cùng với gia đình, nhà trường nên trang bị cho thanh thiếu niên những kĩ năng sống thiết thực, biết giúp đỡ mọi người, biết khơi dậy ở họ lòng nhân ái và tinh thần đấu tranh trước cái xấu, cái ác. Xã hội phải đề cao và tôn vinh những tấm gương sống cao đẹp, sống có trách nhiệm và nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng; tôn vinh và phát huy những giá trị truyền thống và đạo lý của dân tộc: “lá lành đùm lá rách”; “thương người như thể thương thân”.*

*(Theo http:/tuyengiao.bacgiang.gov.vn/, ngày 27/06/2018)*

**Câu 1.** Đoạn trích trên mang đặc trưng của kiểu văn bản nào?

A.Văn bản thông tin B.Văn bản nghị luận

C.Văn bản tự sự, miêu tả **D. Văn bản thuyết minh**

**Câu 2.** Mở đầu đoạn trích người viết nêu lên thực trạng gì?

A.Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ đang sống vô cảm

B.Hiện nay các bạn trẻ rất thông minh, năng động.

C. Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ sẵn sàng xả thân vì cộng đồng

D.Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ có hành vi ứng xử đẹp…

**Câu 3**: Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “vô cảm”?

A. Vô cảm là lạnh nhạt, không hề quan tâm, để ý tới, không hề có chút tình cảm gì.

B. Vô cảm là không có cảm xúc, không có tình cảm (trước những tình huống đáng ra phải có).

C. Vô cảm là rung động mạnh mẽ trong long và trong thời gian tương đối ngắn, nhiều khi làm tê liệt nhận thức.

D. Vô cảm là phản ứng tâm lí theo hướng tích cực với sự kích thích của hiện thực khách quan

**Câu 4.** Để đẩy lùi lối sống vô cảm trong các bạn trẻ, theo em đó là trách nhiệm của ai**?**

A.Trách nhiệm của gia đình. B.Trách nhiệm của nhà trường.

C.Trách nhiệm của xã hội. D. Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội.

**Câu 5**: Theo em, khi người lớn sống có trách nhiệm, quan tâm tới nhau, có những hành vi ứng xử đẹp, mang tính nhân văn sẽ tác động như thế nào đến giới trẻ?

A. Sẽ là tấm gương cho giới trẻ noi theo.

B. Sẽ khiến cho giới trẻ ngưỡng mộ.

C. Sẽ khiến cho giới trẻ có lối sống đẹp.

D. Sẽ khiến giới trẻ sống có trách nhiệm.

**Câu 6.** Theo em,khi lối sống vô cảm trong xã hội, trong giới trẻ được đẩy lùi, xã hội sẽ như thế nào?

A. Kinh tế sẽ phát triển vững mạnh.

B. Đất nước phát triển trong hòa bình, hữu nghị.

C. Xã hội phát triển trong sự hài hòa, nhân văn.

D. Môi trường lành mạnh, trong sáng.

**Câu 7**. Nội dung chính mà đoạn trích muốn thể hiện là gì?

A. Đoạn trích nêu lên thực trạng vể hiện tượng vô cảm ở giới trẻ hiện nay.

B. Đoạn trích nêu lên vấn đề về thói vô cảm ở giới trẻ hiện nay.

C. Đoạn trích nêu lên thực trạng về thói vô cảm ở giới trẻ và đưa ra giải pháp để thay đổi thực trạng đó.

D. Đoạn trích nêu vấn đề vô cảm ở giới trẻ và đưa ra giải pháp để thay đổi thực trạng.

**Câu 8. Tác dụng của việc sử dụng các phép liên kết trong đoạn trích trên** là:

A.Tạo tính mạch lạc và liên kết trong các câu văn trong đoạn văn.

B.Thể hiện rõ liên kết về mặt chủ đề của đoạn văn.

**C. Tạo sự liên kết logic về mặt nội dung cho đoạn văn.**

D.Tạo sự mạch lạc hoặc liên kết về mặt hình thức cho đoạn văn.

**Câu 9. Từ bài viết** em thấy rằng xã hội cần phải đề cao, trân trọng những con người như thế nào?

**Câu 10.** Theo em học sinh cần có trách nhiệm như thế nào để đầy lùi lối sống vô cảm trong giới trẻ (nêu ít nhất hai biện pháp/ việc làm).

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **6,0** |
| **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | - Xã hội phải đề cao và tôn vinh những tấm gương sống cao đẹp, sống có trách nhiệm và nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng | 1,0 |
| **10** | Trách nhiệm của học sinh:  - Chăm chỉ học tập, sống có nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng  - Trân trọng, phát huy các giá trị truyền thống và đạo lí tốt đẹp của dân tộc  - Yêu thương, chia sẻ với mọi người | 1,0 |
| **II** | **VIẾT** | | **5,0** |
|  |  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) | 0,25 |
|  |  | *c. Triển khai hợp lí bài văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:*  **1. Mở bài**  Nêu vấn đề cần nghị luận: một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại (nghiện game - ham mê trò chơi điện tử, lối sống ích kỉ, vô cảm ...)  **2. Thân bài**  a. Làm rõ vấn đề nghị luận  Giải thích khái niệm về thói xấu: Nghiện game là gì? Sống ích kỉ là gì? Lối sống ảo là gì?  b. Trình bày ý kiến phê phán, lí lẽ và bằng chứng để chứng minh phê phán là có cơ sở  - Biểu hiện của thói xấu  - Nguyên nhân hình thành thói xấu  - Tác hại của thói xấu  c. Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân  - Nêu ý kiến phản biện: không đồng tình với ý kiến của người viết (giả định)  - Học sinh cần ý thức tác hại của thói xấu để tránh mắc phải.  - Tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân tốt đẹp hơn.  **3. Kết bài**  Khẳng định ý kiến phê phán, bài học cho chính mình. | 4,0 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng* tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, phát hiện tinh tế; giọng văn mang đậm cá tính của người viết. | 0,25 |